

Số: **140/2026/QĐST-HNGĐ**

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1977;

Nơi thường trú: P512 B22 Tập thể K, phường K, thành phố Hà Nội.

- Chị **Lê Thị Thanh L**, sinh năm 1980;

Nơi thường trú: 17 ngõ A G, phường G, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Anh Nguyễn Tuấn A và chị Lê Thị Thanh L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2002 tại Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy đăng ký kết hôn số 09, quyển số I.2002. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Tuấn A** và chị **Lê Thị Thanh L.**

2. Về con chung: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Lê Thị Thanh L xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Lê Đăng K, sinh ngày 04/01/2006 và Nguyễn Lê Thái Bảo C, sinh ngày 26/4/2008. Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận giữa anh Tuấn A và chị L: sau khi ly hôn chị L sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Lê Thái Bảo C kể từ tháng 02 năm 2026 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên tự thỏa thuận tiền đóng góp tiền nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Tuấn A được quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Con chung Nguyễn Lê Đăng K đã trưởng thành, anh Tuấn A và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản):

Anh Nguyễn Tuấn A và chị Lê Thị Thanh L xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về các khoản vay nợ:

Anh Nguyễn Tuấn A và chị Lê Thị Thanh L xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về lệ phí Tòa án:

Chị Lê Thị Thanh L tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số 0002421 ngày 27/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

II. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1 – TP. Hà Nội;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Đình Trung